

CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM

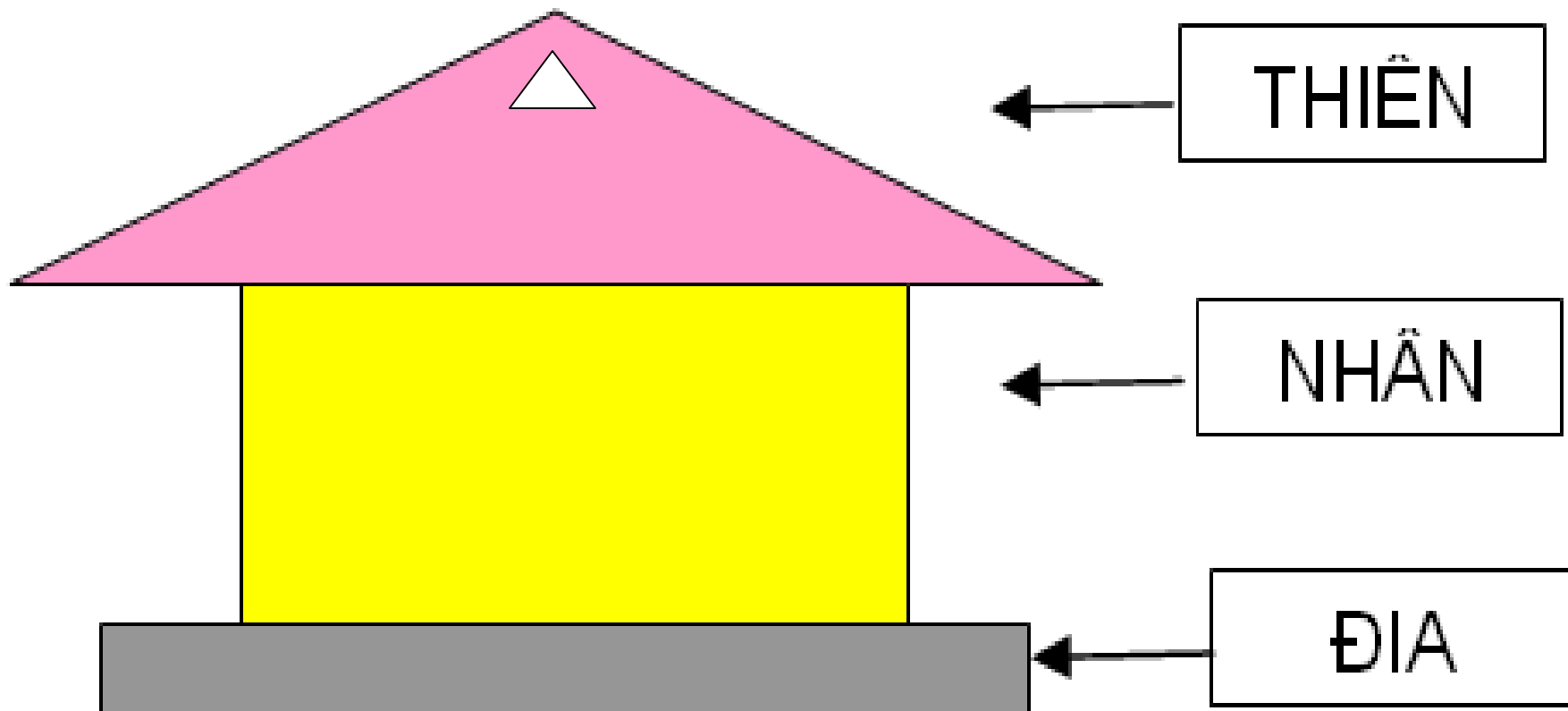


CHƯƠNG IV: VĂN HOÁ ỨNG XỬ

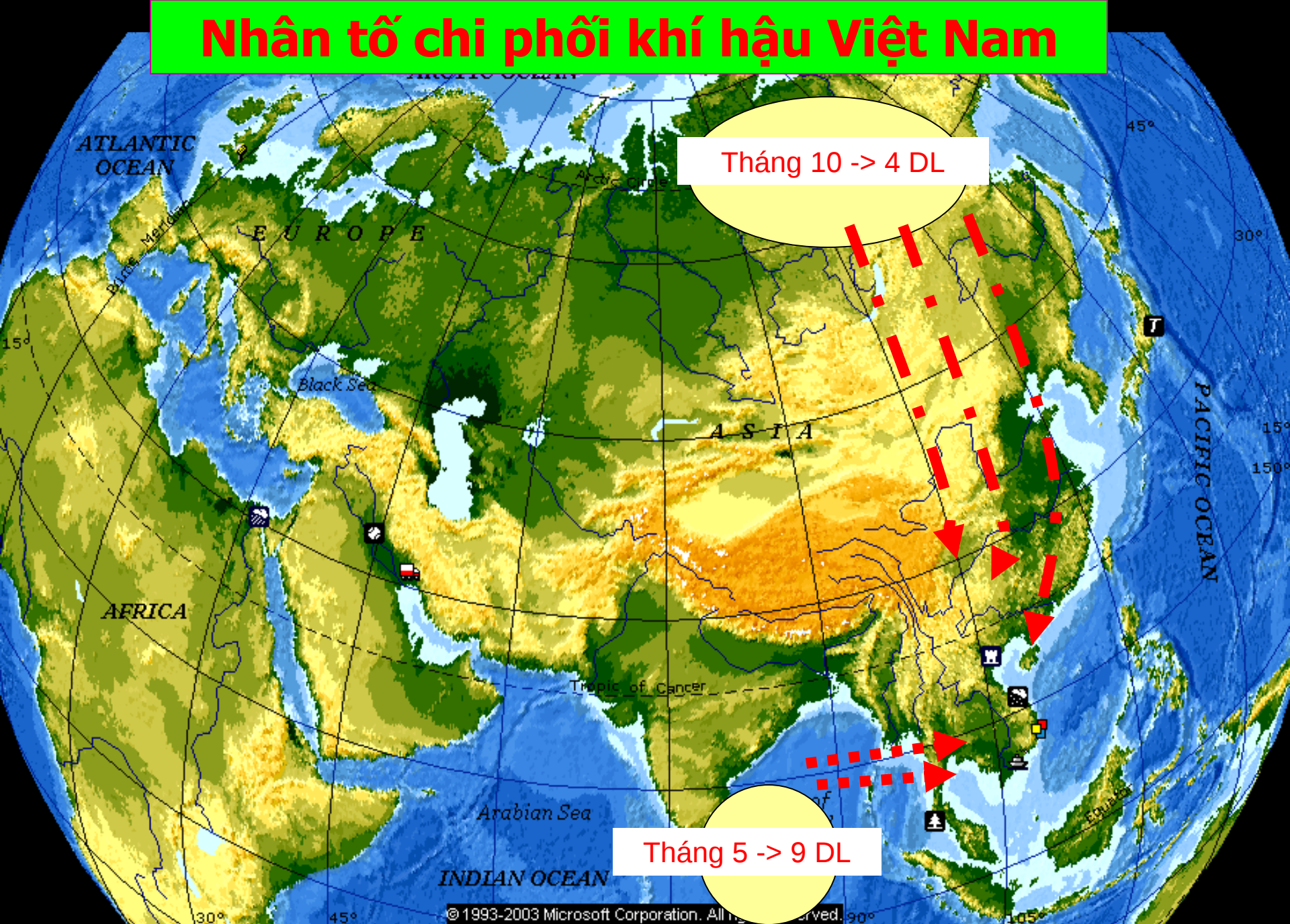
1. Ứng xử với môi trường tự nhiên
2. Ứng xử trong xã hội

Ứng xử với tự nhiên – Mô thức về cư trú

Môi trường địa lý	- Cấu trúc nhà ở theo thuyết Tam Tài - Địa hình miền núi, đồng bằng, sông hồ + nguồn vật liệu tự nhiên $\Rightarrow$ tận dụng, lựa chọn $\Rightarrow$ xử lý mặt bằng để đặt nền nhà, hướng nhà, xử lý vật liệu, kỹ thuật xây dựng (hệ thống cột, kèo, xà, mái hình cong), đặt nhà bếp, bảo quản nhà - Kiểu nhà sản xuất hiện sớm nhất, phù hợp với khí hậu khu vực. - Thuật phong thủy, thế đất hội đủ Ngũ hành thể hiện sự cân bằng sinh thái của môi trường cư trú vùng lục địa (khác vùng biển đảo).
Điều kiện sống tập thể	Nhà để sinh hoạt tập thể (nhà nhiều gian, nhà dài, nhà rộng, đình) $\Rightarrow$ Văn hoá cư trú của cộng đồng.



Nhân tố chi phối khí hậu Việt Nam

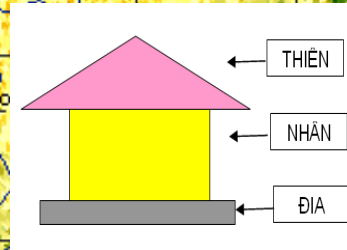


Thủy

Kim

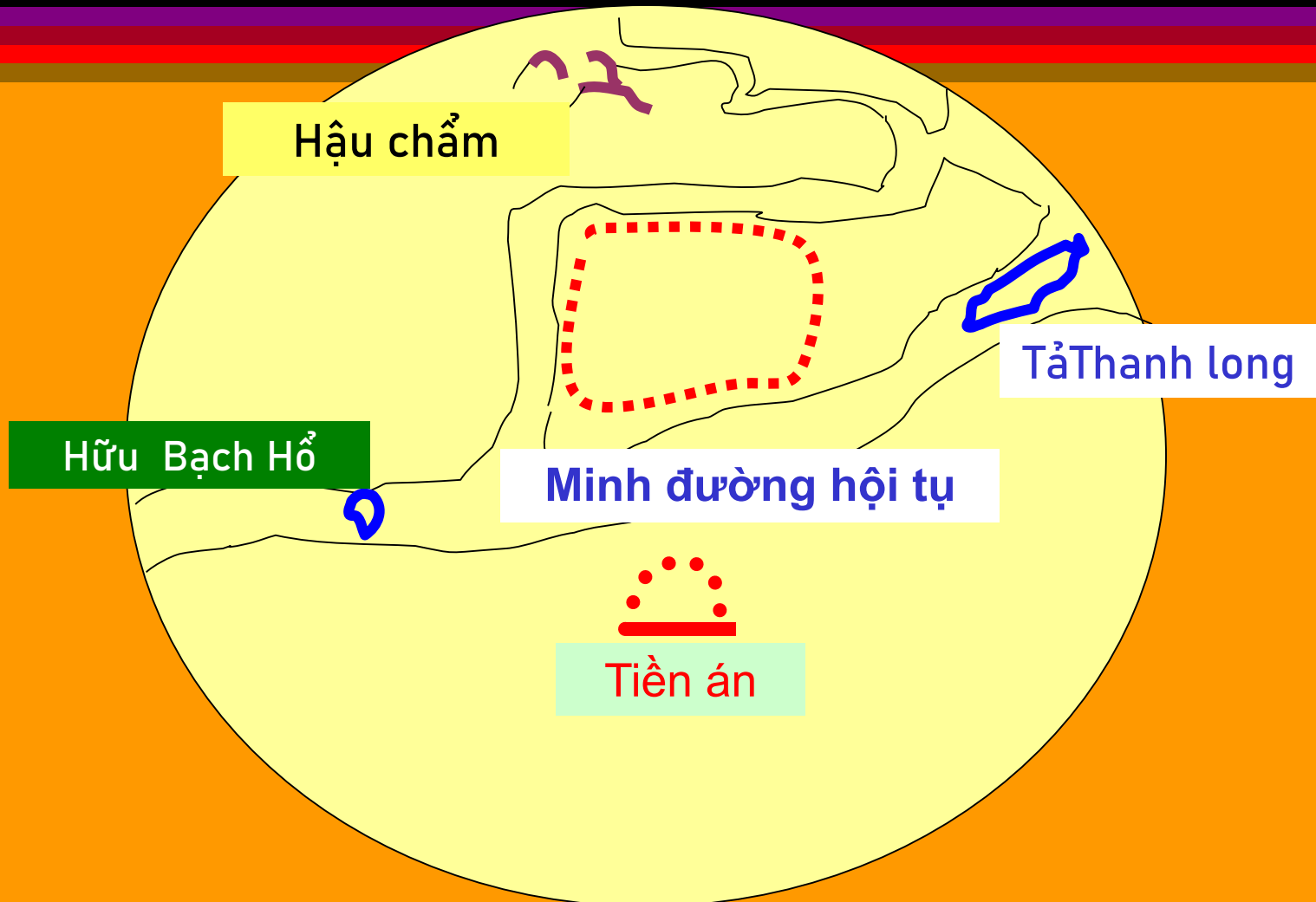
Mộc

Hoả



Ngũ Hành trong nhận thức của cư dân Nam Á

Mô hình thể đất hội đủ Ngũ Hành



Điểm khác nhau giữa lũ, lụt, nước nổi

Tiêu chí Hiện tượng	Diện phủ	Nước dâng	Địa điểm	Thời điểm	Ảnh hưởng
Lũ	Hẹp, vùng suối, sông đầu nguồn	Rất nhanh, tính theo giờ, phút	Tây Bắc, Đông Bắc, Trường Sơn	Mọi thời điểm. (Bất thường)	Phá hoại là chính
Lụt	Rộng, vùng châu thổ	Hơi nhanh, tính theo giờ, ngày	Bắc Bộ, Trung Bộ	Mùa mưa bão. (Có quy luật)	Mang phù sa + Phá hoại
Nước nổi	Rộng, vùng châu thổ	Không nhanh, tính theo ngày, tháng	Tây Nam Bộ	Nửa cuối mùa mưa Nam Bộ. (Có quy luật)	Mang phù sa + Đem nguồn lợi thuỷ sản



Old Chinese house (copied by William H. Miller in
"The primitive architecture: A CHINESE ARCHITECTURE"
[Page 26, Figure 10]. Published in England, January 1908.



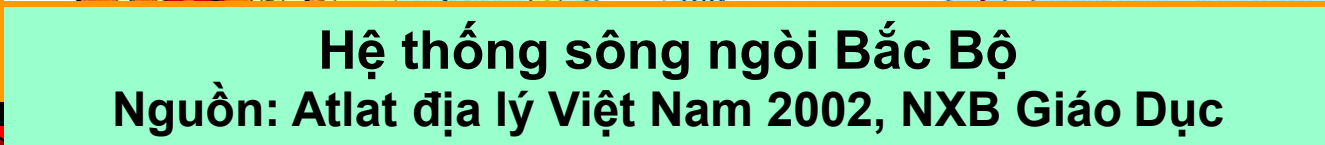
Ancient Vietnamese architecture (copied by William H. Miller in
"The primitive architecture: A CHINESE ARCHITECTURE"
[Page 26, Figure 10]. Published in England, January 1908.

Ứng xử với tự nhiên – Mô thức về di chuyển

Môi trường địa lý	Cách đi lại phổ biến : ghe thuyền, đi bộ, khiêng, vồng, cán, ... Cách đi lại chủ yếu : ghe, thuyền.
	Nguồn vật liệu tự nhiên => tận dụng => chọn lựa, xử lý chất liệu, kỹ thuật xây dựng cầu (cầu treo, cầu khỉ,...), kỹ thuật đóng thuyền chiến (nhiều khoang)
Điều kiện sống tập thể	Văn hoá đi lại của cộng đồng => biểu tượng phương tiện đi lại của cộng đồng: con thuyền. (<i>Bắc di mã, Nam di chu</i>)

Theo sử sách Trung Quốc cổ, miền đất Văn Lang là

"xứ sở của những người sống được dưới mặt nước" (ý nói bơi lặn giỏi) ; ở đất Việt cổ "việc trên cạn ít, việc dưới nước nhiều"; "dân quen ở nước " ; "Vua Thang vua Vũ là thánh chúa cũng không thể cùng người Việt chèo thuyền trôi nổi trên sông nước" ; "Người Việt thạo thủy chiến, giỏi dùng thuyền".

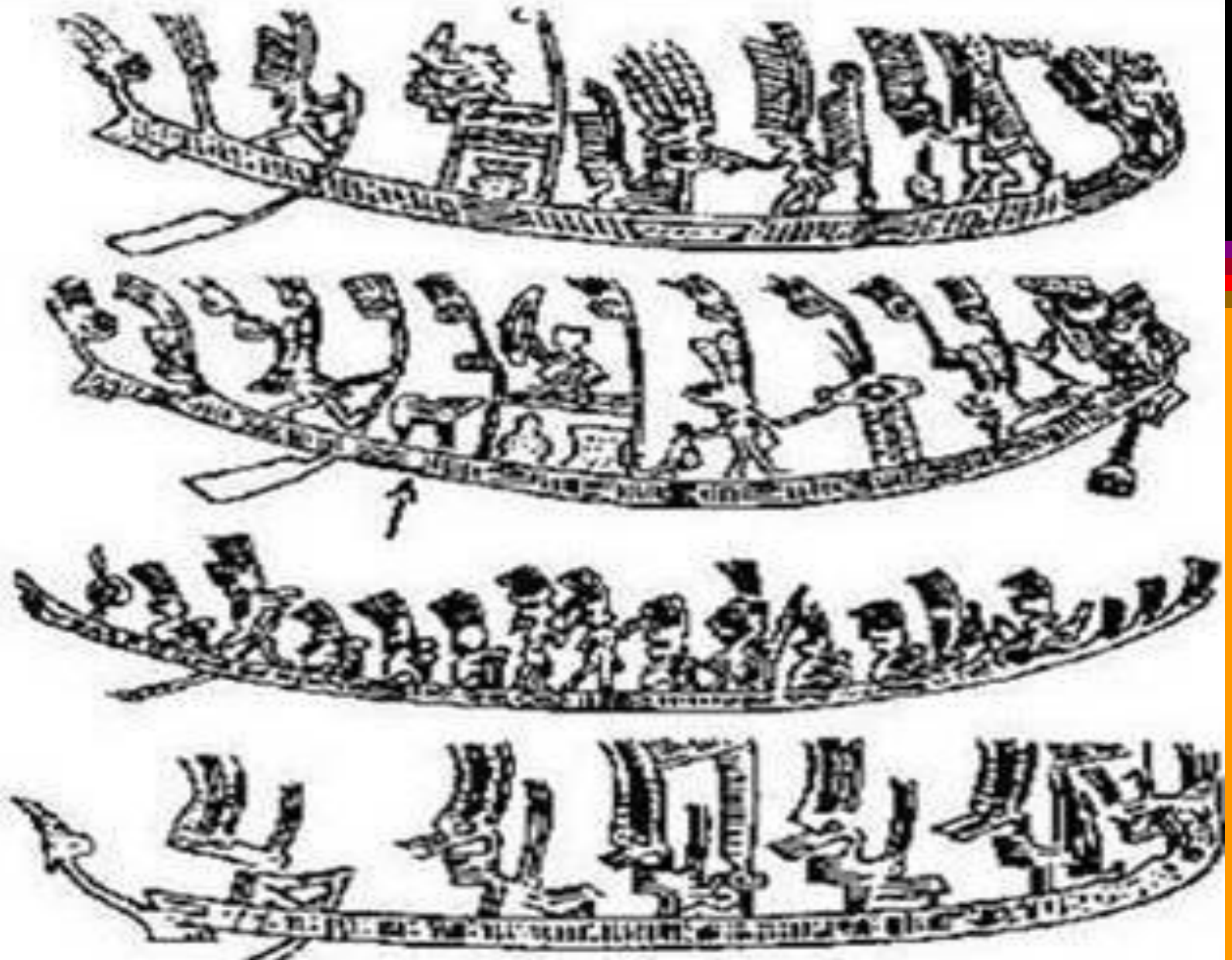




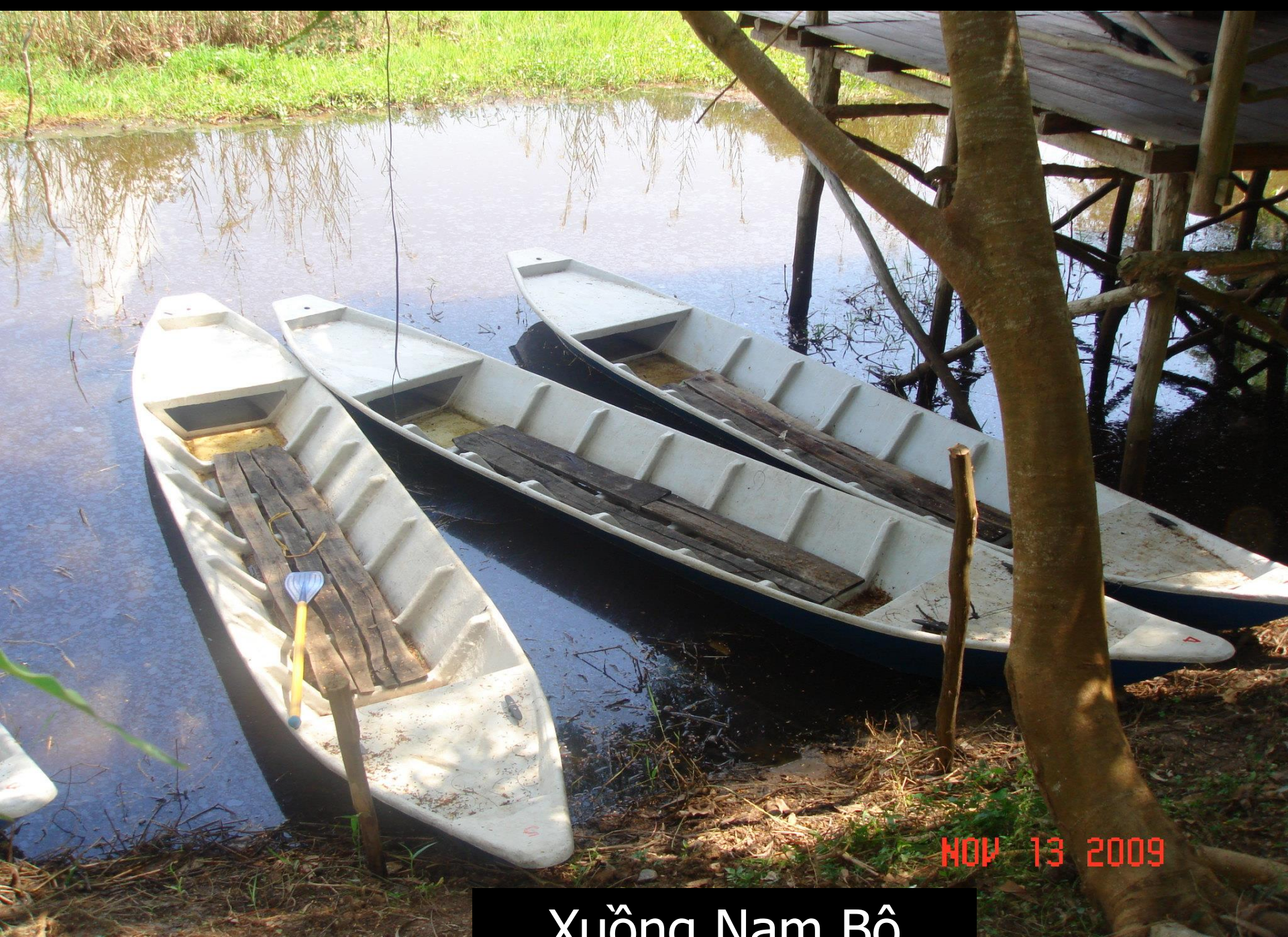
Thuyền Đông Sơn



Hải diều bay mừng khi thuyền về
(Thạp Đào Thịnh)



Thuyền chiến Đông Sơn



NOV 13 2009

Xuồng Nam Bộ



Tắc ráng Nam Bộ





Cầu bằng thân cây tràm

750. C. TONKIN — Pont en bambou jeté sur une rivière



Cầu tre ở Sơn Tây



Cầu bằng thân cây cau



Cầu dùng thân cây dừa làm trụ



Cầu ván đóng đinh



Cầu đá ở Hoa Lư



Cầu ao



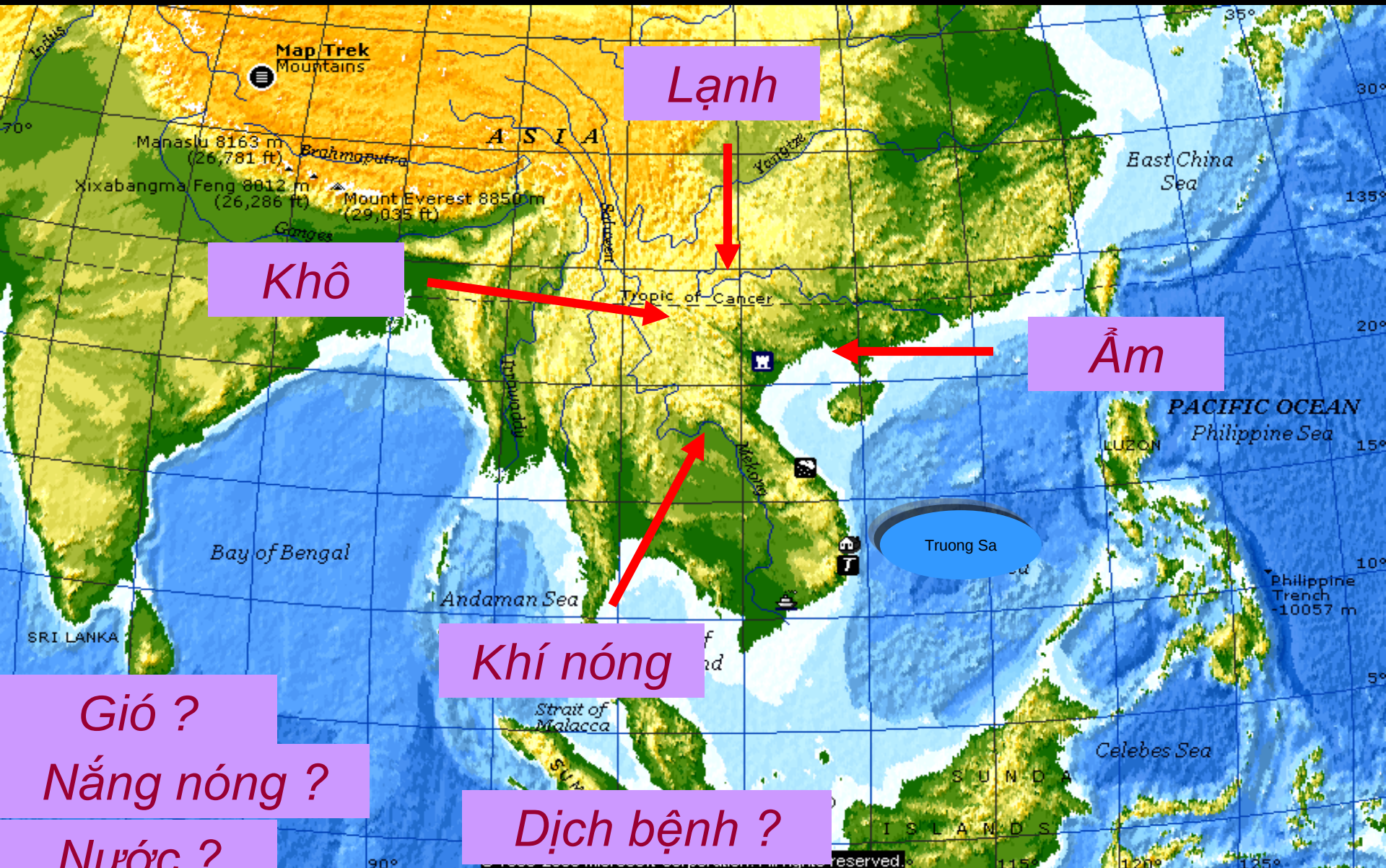
Cầu gỗ phát Diệm (Ninh Bình)



Ứng xử với tự nhiên – Mô thức về phòng chữa bệnh

Môi trường địa lý →	Nhận thức về nguyên nhân bệnh tật (ngoại nhân và nội nhân)-> Kinh nghiệm phòng bệnh
↓	Trị bệnh theo chẩn đoán kinh nghiệm Tận dụng tự nhiên -> dược liệu tự nhiên: thảo dược, mộc dược, thú dược, nhân dược... Kinh nghiệm lập phương thang phù hợp phong thổ phương Nam: Bài thuốc Nam phổ thông Kinh nghiệm chế biến bảo quản thuốc phù hợp khí hậu: phơi, sao, sấy, nướng, nấu cao..
Điều kiện sống tập thể →	Tục hái thuốc mừng 5 tháng 5 âm lịch Gìn giữ những bài thuốc giấu...

Ngoại nhân



Nội nhân

Ăn uống
Phòng dục
Tình chí

Đoán bệnh theo tứ chẩn

- * **Vọng:** Xem hình sắc
- * **Văn:** Nghe tiếng nói, hơi thở...
- * **Vấn:** Hỏi hoàn cảnh sống, thời gian phát bệnh, những biểu hiện khác thường...
- * **Thiết:** Chạm tay vào người bệnh xem nóng lạnh, xem mạch đập nhanh chậm...

Cách dùng thuốc trị bệnh

- * Tận dụng tự nhiên làm dược liệu: cây cỏ, muôn thú, các loại đá...
- * Chế biến bảo quản thuốc phù hợp khí hậu nhiệt đới: phơi, sao, sấy, nướng, nấu cao...
- * Đơn vị tính: đồng cân, lạng, đấu, thăng, thạch (chính xác), hạt ngô đồng, nắm, bát, cọng, tép... (ước chừng)
- * Vật ăn, thức uống cũng là thuốc. Hợp thang linh hoạt không theo lối: quân, thần, tá, sứ.

Bài thuốc nam căn bản

1	Rễ tranh	Nhuận tiểu	8g
2	Lá muồng trâu	Nhuận trường	4g
3	Rau má	Nhuận gan	8g
4	Cỏ mực	Nhuận huyết	8g
5	Cỏ màn châu	Giải trừ độc	8g
6	Cam thảo nam	Tiêu khát	8g
7	Ké đầu ngựa	Trừ phong độc	8g
8	Vỏ quýt	Trị ói, sinh bụng	4g
9	Củ sả	Trị viêm, thông khí	4g
10	Gừng tươi	Tiêu đờm, kích tiêu, làm ấm	2g

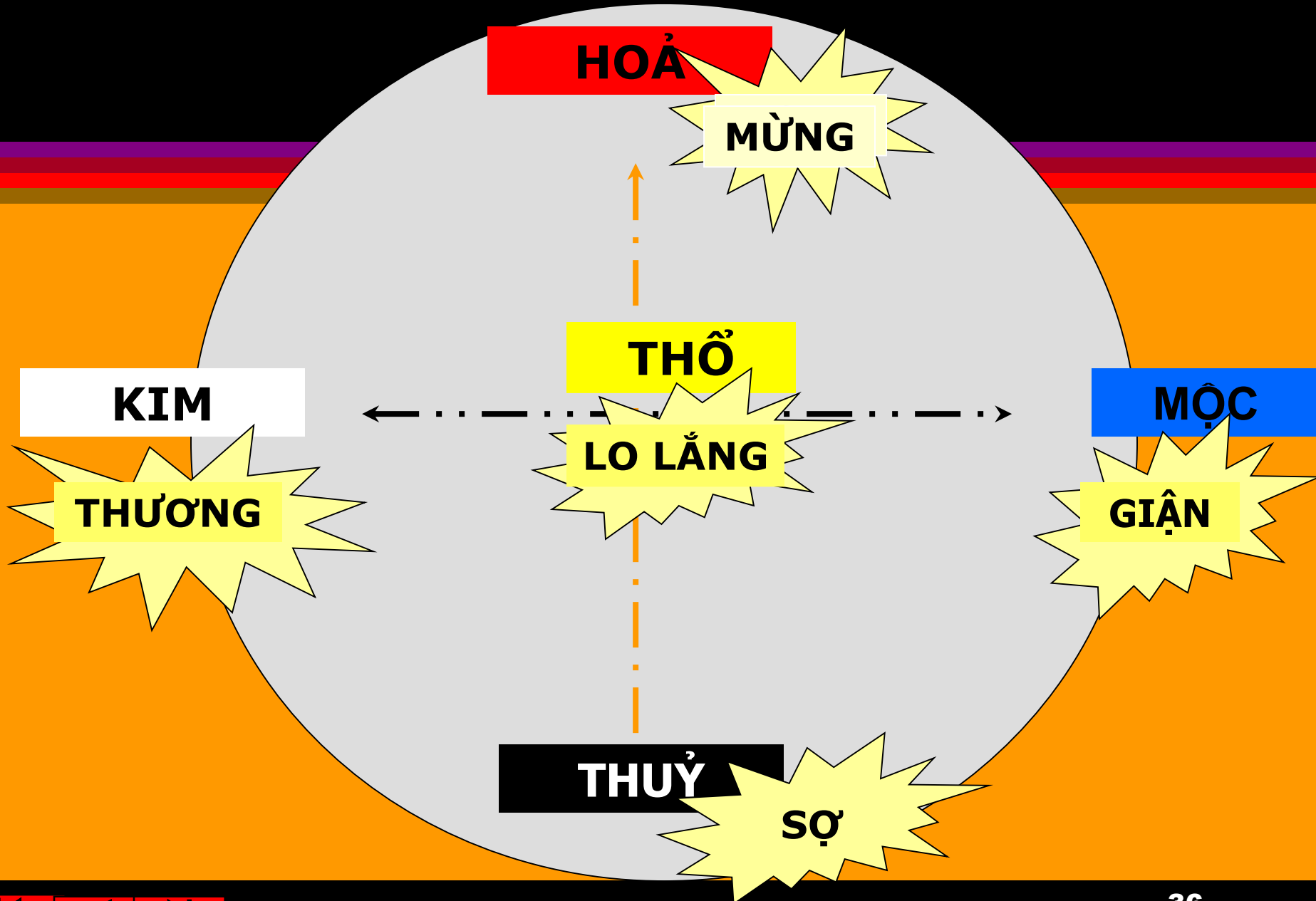
Giá trị khoa học của bài thuốc Nam

1. Giúp đỡ tiêu hoá: kích tiêu, nhuận gan.
 2. Giúp đỡ hấp thu: thông suốt đường ruột, giải độc, thông suốt đường huyết.
 3. Giúp đỡ bài tiết: nhuận trường, nhuận tiểu.
- * Tác dụng chung: phòng trị bệnh, giải độc.

Bài thuốc độc vị

- * Dùng cây cỏ (mộc dược, thảo dược)???
- * Dùng muôn thú (thú dược) ???
- * Dùng nhân dược ???
- * Loại khác ???

Bệnh tình chí theo Ngũ Hành

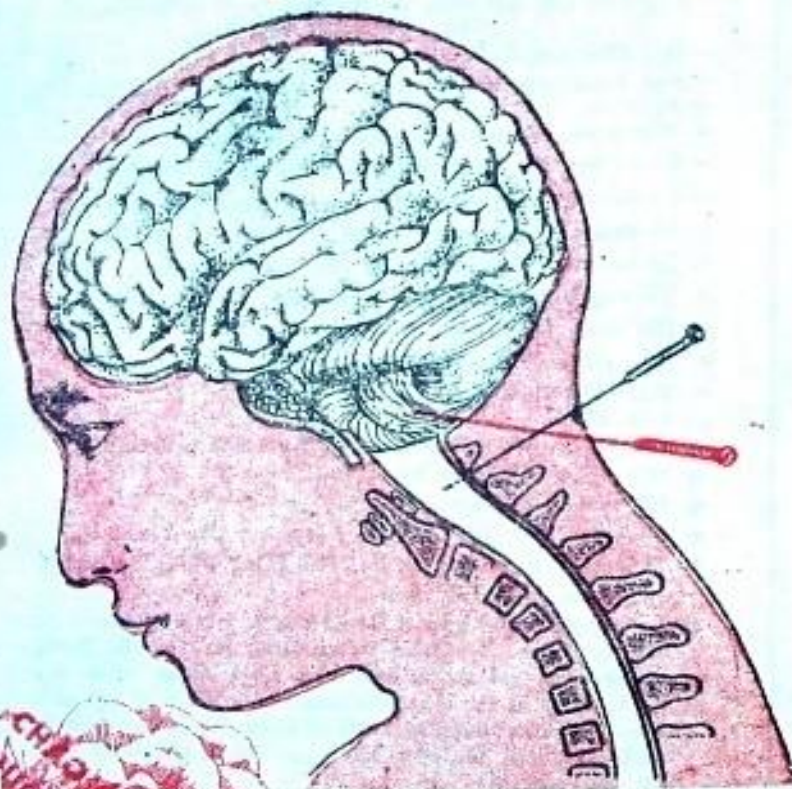


Cách chữa bệnh không dùng thuốc (dựa vào hệ kinh lạc)

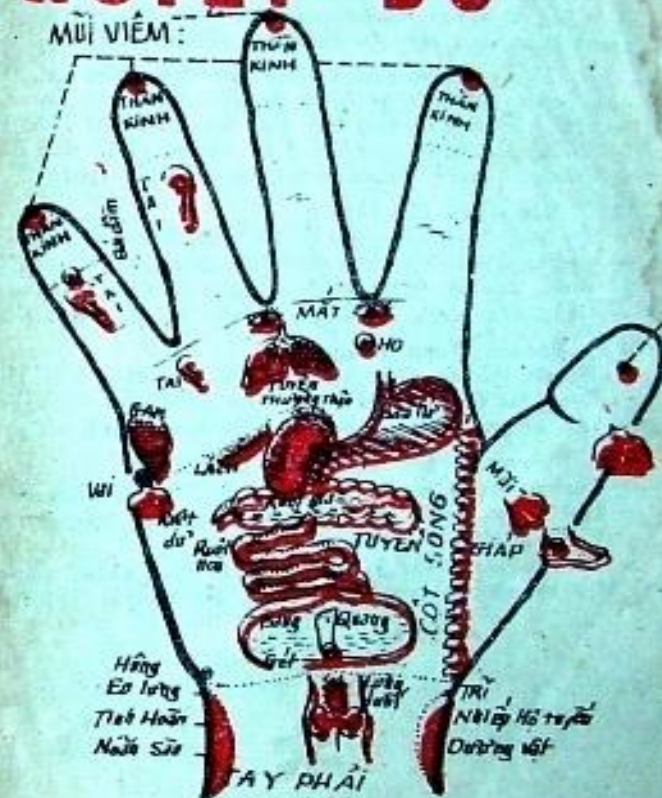
- * Chích lễ**
- * Giác**
- * Xông**
- * Cào, nẻ, gõ**
- * Day, Ấn**
- * Nhổ, giật tóc**
- * Ngâm nước ấm**
- Đạp lên sỏi, đạp lên khúc cây**
- * Kết hợp châm cứu và phương thức dân gian**

Lương y KHƯƠNG DUY ĐẠM – Lương y TẾ SANH
Lương y HOÀNG DUY TÂN – Bác sĩ QUAN ĐÔNG HOA – Bác sĩ VÕ TẤN HƯNG

CHÂM CỨU KINH HUYẾT ĐỒ



1. ĐẦU
2. DIỆN
3. TỶ
4. NHÌ
5. THỂ
6. THỦ
7. TÚC



HỘI Y HỌC CỔ TRUYỀN DÂN TỘC TỈNH ĐỒNG NAI
HỘI Y HỌC CỔ TRUYỀN DÂN TỘC TỈNH BẾN TRE
BỘ MÔN Y HỌC DÂN TỘC KHOA Y ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HỘI CHÂM CỨU TỈNH HẬU GIANG

Kết hợp x (a) bản 1988



□ Ban có biết?

Trước khi y học phương Tây
đến Việt Nam,
cha ông ta chẩn đoán và chữa bệnh
như thế nào ?

Ứng xử xã hội

1. Ứng xử thường ngày
2. Ứng xử trong thời điểm quan trọng

Ứng xử thường ngày

- **Coi trọng mọi mối quan hệ, trọng danh dự, trọng ơn nghĩa, trọng thể diện lẫn nhau.**
- **Có quan điểm rõ ràng điểm đối với cái xấu, cái ác, cái không ưa thích nhưng biểu lộ thái độ rất khéo léo, tinh tế.**
- **Vị tha, nhân ái (có thể hiểu là rộng lượng, thương người)**
- **Nêu cao tinh thần hy sinh, lòng dũng cảm, tài trí đức độ.**
- **Nhạy cảm và quý trọng cái đẹp.**
- **Coi trọng chữ hiếu.**

Ứng xử trong thời điểm quan trọng

- Ứng xử trong dịp tết
- Ứng xử trong cưới hỏi
- Ứng xử trong sanh đẻ
- Ứng xử trong tang ma
- Ứng xử trong cúng bái

Ứng xử trong dịp tết

Hiện còn nhiều lễ tết ở những thời điểm khác nhau trong năm: Người Việt thường có hai lễ tết lớn (tết Nguyên Đán và tết Đoan Ngọ). Người Chăm ăn tết vào dịp lễ Katê khoảng cuối tháng 9 Dương lịch Người Khmer có tết Chol-chnam-thmay vào các ngày 14, 15 và 16 tháng 4 Dương lịch. Người Cơ Ho (Lâm Đồng) ăn tết Tết Nhỏ LirBông sau Tết Nguyên đán của người Kinh độ một tháng. Người Ê Đê ở Đắk Lắk ăn Tết Cơm Mới vào khoảng tháng 10 dương lịch ...

Tết đầu năm có nhiều ý nghĩa tốt đẹp: mọi người thăm viếng, chúc tụng nhau; các thành viên trong gia đình bày tỏ tình cảm của mình với ông bà, cha mẹ, con cháu; mọi người cùng tham gia lễ hội, cùng chia sẻ niềm vui chung.

Tết là dịp để xoá tan những vướng mắc trong năm cũ, xây dựng tình hoà hiếu trong xóm làng, hướng đến tương lai tốt đẹp.

Ứng xử trong cưới hỏi

- Hôn nhân thời Văn Lang “ trai gái lấy nhau chưa dùng trầu cau mà lấy nắm đất (phong muối) làm tin”. Trai gái tự do yêu đương và tự do lựa chọn trong hôn nhân (vua Hùng cũng chấp nhận tình yêu của con gái với một người bình dân nghèo)
- Sự tích trầu cau: hôn nhân một vợ một chồng; văn hoá hôn nhân của nền văn minh thực vật; không chỉ là hiện tượng văn hoá của tầng lớp trên mà phổ biến trong toàn dân
- Qua quá trình tiếp biến lễ tục phương Bắc, dưới áp lực của lễ giáo phong kiến, phong tục hôn nhân của giới bình dân có xu hướng lễ nghi hoá; phức tạp hoá.

Người Xá Tây Bắc, người Tây Nguyên và một số tộc người ở Đông Nam Á cũng có tục ăn đất hun.

Đất hun, dân gian gọi là "bánh ngói", món đất sét tinh được nung đốt bằng những cây cỏ có khói thơm, là một "món ăn" kỳ lạ nhưng được sản xuất và tiêu thụ ở nhiều vùng trung du và đồng bằng Bắc bộ cho đến trước cách mạng tháng Tám.

Lĩnh Nam chích quái chép: Việc hôn nhân giữa nam nữ lấy gói đất làm đầu. Có thể thứ "bánh ngói" này đã là một món quà cưới quan trọng thời Hùng Vương. Nhà dân tộc học Lê Thị Nhâm Tuyết đã chứng minh tục ăn đất và tục chế biến đất là một tục rất cổ của người Việt mà ý nghĩa thực chất của nó là thưởng thức hương liệu. "Bánh ngói" là một hòn đất chứa đựng chất khói thơm ăn đất hun cũng tương tự như hút thuốc.



Các bước trong cưới hỏi truyền thống

- **Lễ nạp thái:** Người nhà trai sang nhà gái để ngỏ ý nhà trai đã chọn cô gái của gia đình ấy làm dâu.
- **Lễ vấn danh:** Nhà trai sang xin tên, ngày tháng năm sinh của cô gái.
- **Lễ nạp cát:** Nhà trai trình cho nhà gái biết đã xem được quẻ tốt về cuộc hôn nhân giữa đôi trai gái.
- **Lễ thỉnh kỳ:** Nhà trai báo cho nhà gái ngày tốt để làm đám cưới.
- **Lễ nạp tệ:** Nhà trai mang nữ trang, tiền bạc, lễ vật đến cho nhà gái.
- **Lễ nghinh thân:** Còn gọi nghinh hôn, thân nghinh nhà trai sang đón dâu về.

Văn hoá ứng xử trong cưới hỏi truyền thống

- Tôn trọng tự do yêu đương, nữ giới đi cưới chồng (tính nhân bản)
- Tục lệ giản đơn nhưng kéo dài giai đoạn tiền hôn nhân: tục ở rể, làm rể (tính nhân bản)
- Luật tục bảo vệ quyền lợi người phụ nữ (tính nhân văn)



Ứng xử trong sanh đẻ

Các giai kỳ sinh con

ôm nghén - ăn rở - sinh nở - chôn nhau sâu và tránh chỗ nước giọt - nằm than, kiêng gió – ăn muối hấp, nước mắm chưng trong 3 ngày sau sinh - đầy cữ (trai 7 ngày, gái 9 ngày) – xông muối – xoa nghệ ra ngoài.

Văn hoá sinh sản truyền thống

- Theo đòi hỏi của phương thức sản xuất nông nghiệp, người phụ nữ là công cụ sản xuất sức người và sức của.
- Một mặt coi trọng phụ nữ, mặt khác những kiêng kỵ về thai sản bó buộc phụ nữ (nhất là khi XH xuất hiện giai cấp, xuất hiện tư tưởng trọng nam khinh nữ)
- Tri thức về thai sản, sinh nở dựa vào kinh nghiệm vùng miền, dân tộc (không hệ thống)
- Sinh đẻ là vấn đề riêng của cá nhân, làng xã không liên quan nhiều đến nhà nước (dân số, y tế, giáo dục, kinh tế...)

Tập quán truyền thống

Mỗi dân tộc tiến hành nghi lễ tang ma theo tập tục riêng

Tang ma Việt Nam thể hiện rõ đặc điểm đời sống của cư dân nông nghiệp trong khu vực Đông Nam Á: sự tiếc thương người chết bộc lộ qua tiếng khóc, lời kể.

Các hình thức táng phổ biến là địa táng, hỏa táng. Một số dân tộc phía Bắc còn duy trì hình thức thủy táng và các hình thức riêng khác.

+ Những tục lệ thông thường:

- **Lập di ngôn (di chúc)**
- **Đặt tên thụy (tên hèm)**
- **Ghi giờ ngày tắt thở**
- **Mộc dục**
- **Cài hàm**
- **Hạ tịch**
- **Bỏ tiền gạo vào miệng người chết**
- **Đặt đầu quan tài hướng ra ngoài**
- **Mặc tang phục theo tôn ti**
- **Đưa tang theo hình thức “cha đưa, mẹ đón”**
- **Kiêng đưa linh cữu đi nhanh.**
- **Cha mẹ kiêng đưa tang con.**
- **Rắc giấy tiền vàng trên đường đưa tang.**
- **Lễ cúng thổ thần trước khi chôn.**
- **Gia đình có tang kiêng đi chúc tết.**

+ Tang ma của các dân tộc Tây Nguyên có lễ bỏ mả (sau khi chôn vài năm), của người Khơ me, người Chăm

Văn hoá ứng xử trong tang ma truyền thống

- Tôn trọng xác và hồn người chết
- Tục lệ thể hiện sự tiếc thương của người sống đối với người chết (kéo dài thời gian lưu giữ quan tài, khóc kể, nhiều lần cúng ngay sau khi chôn như mở cửa mả, tuần, 49 ngày, thời gian để tang 2-3 năm, lưu giữ bàn thờ trong nhà, cúng giỗ hàng năm và thắp nhang ngày sóc vọng, thăm viếng, làm sạch cỏ trên mộ... (Người Tây Nguyên làm lễ long trọng mới bỏ mả)
- Tang lễ truyền thống thể hiện triết lí Âm Dương Ngũ Hành.
- Tang ma, cúng giỗ được xem là sự biểu hiện của chữ hiếu
- Tang ma phản ánh tâm lý sợ nạn mãi lộ trong thế giới vô hình

Ứng xử trong cúng bái

Tập quán thờ cúng truyền thống

Do tôn thờ dẫn đến hành vi cúng bái cho người và vật.

Trong văn hoá dân gian Việt Nam, hầu như nhân thần, vật thần nào được thờ đều được cúng bái.

Tuy nhiên, không phải lúc nào người ta cúng bái cũng nhằm thể hiện ý đồ tích cực, có khi người ta cúng bái vì sợ cái xấu (hoặc cái ác), dù vô hình nhưng nó có thể làm hại con người và cuộc sống cộng đồng.

Nơi thờ cúng

+ Đình miếu: Các vị thần được thờ:

- Thượng đẳng thần: Sóc Thiên Vương, Chử Đồng Tử, Liễu Hạnh (thiên thần), Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo (nhân thần).
- Trung đẳng thần: thần có tên nhưng không ghi rõ công trạng.
- Hạ đẳng thần: chính thần - Thành Hoàng (Phúc Thần).

+ Nhà thờ họ: Dòng họ lâu đời có nhà thờ Thủy tổ. Đồ thờ có thần chủ, hương án, gia phả. Bàn thờ xếp theo bậc cao thấp ứng với các vị đời trước, đời sau.

+ Nhà ở: Thờ ông bà cha mẹ và anh, chị, em, con cái chết sớm. Nhà có đạo thờ thần thánh theo tôn giáo.





Văn hoá ứng xử trong cúng bái

- ❖ Tự nguyện tự giác, là điều nghĩa
- ❖ Tỏ lòng tôn kính, biết ơn tiền nhân (truyền thống “Uống nước...)
- ❖ Giáo dục đạo lý dân tộc, đạo lý gia tộc, tinh thần tôn trọng lịch sử
- ❖ Cổ kết họ tộc, gia tộc
- ❖ Do thờ mà cúng nhưng có khi cúng mà không thờ
- ❖ Thờ cúng thiên về vụ lợi

Đặc điểm văn hoá ứng xử của người Việt Nam

- Những kiểu ứng xử có tính tích cực:
trọng quan hệ, trọng tình, trọng văn, trọng đức, trọng phụ nữ, trọng tập thể (làng nước, dân tộc)...
- Những kiểu ứng xử có tính tiêu cực:
cào bằng, cục bộ địa phương, ích kỷ hẹp hòi, gia trưởng...